CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

FireAnt

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

Ngày 15/01/2024	10,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.8%	**-**	**-7.2%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,300 - 15,577
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,240
Số lượng CPLH (CP)	300,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,262,930
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.53
EPS	363
P/E	34.4

DT thuần
Q4/23
507
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 275| 118%
YoY: ▲ 83.0| 19.5%

LN thuần
Q4/23
187
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 166| 807%
YoY: ▲ 172| 1154%

LN sau thuế
Q4/23
159
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 146| 1084%
YoY: ▲ 160| 12401%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023
15.9%
YoY: +/-▼ 9.0%

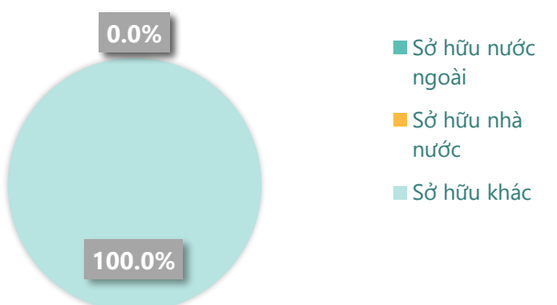
ROE
2023
2.7%
YoY: +/-▼ 5.0%

DT thuần
2023
1,156
tỷ VNĐ
YoY: ▼449| -28.0%

LN thuần
2023
167
tỷ VNĐ
YoY: ▼250| -59.9%

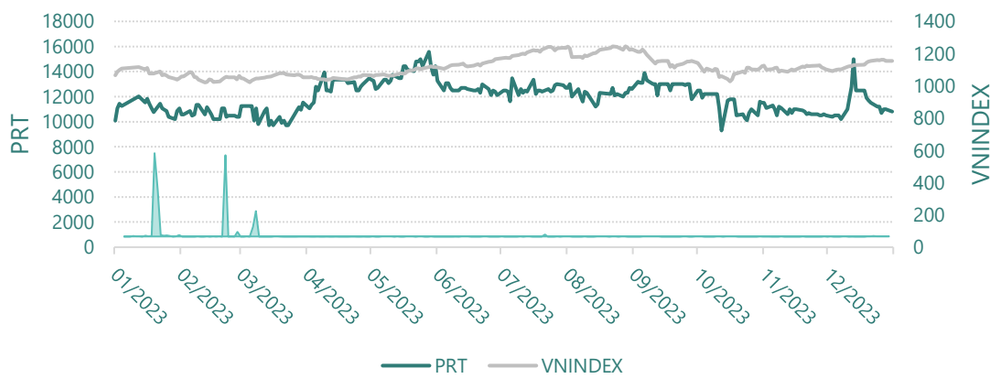
LN sau thuế
2023
123
tỷ VNĐ
YoY: ▼194| -61.4%

Cơ cấu sở hữu

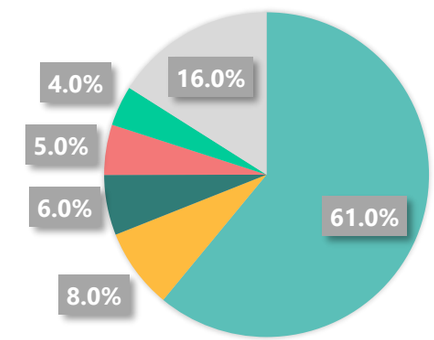


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

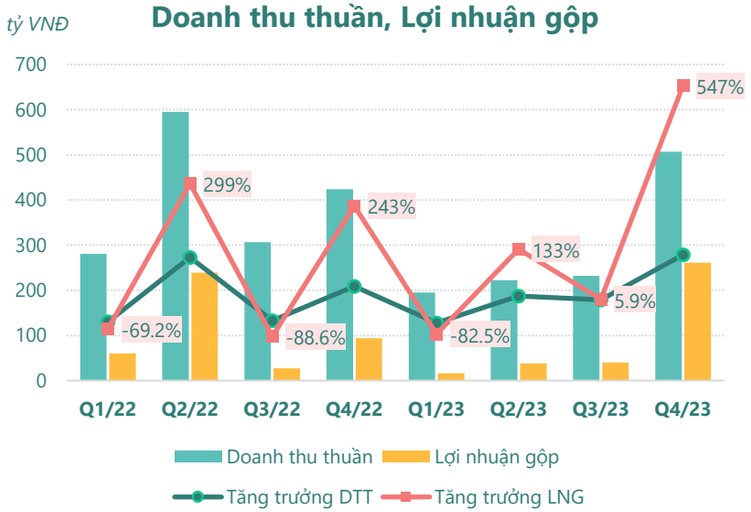


Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương
CTCP Sam Holdings
CTCP Đầu tư U&I
Trần Thị Thu Hà
CTCP - Tổng Công Ty Nước - Môi Trường Bình Dương
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

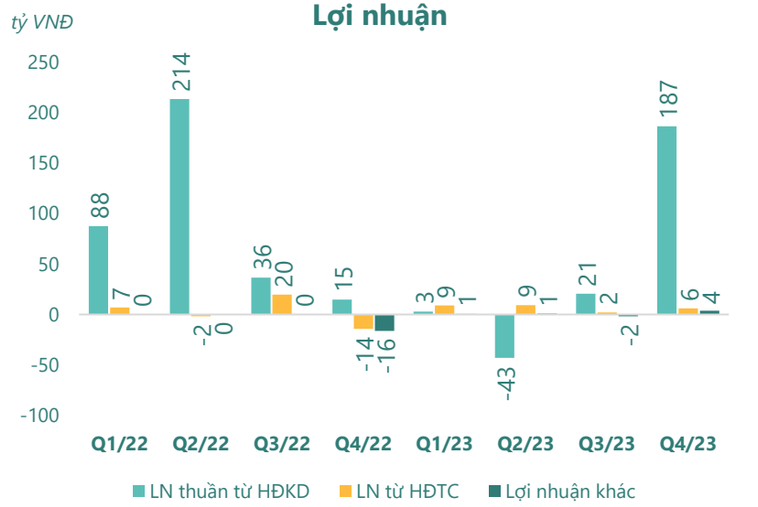
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



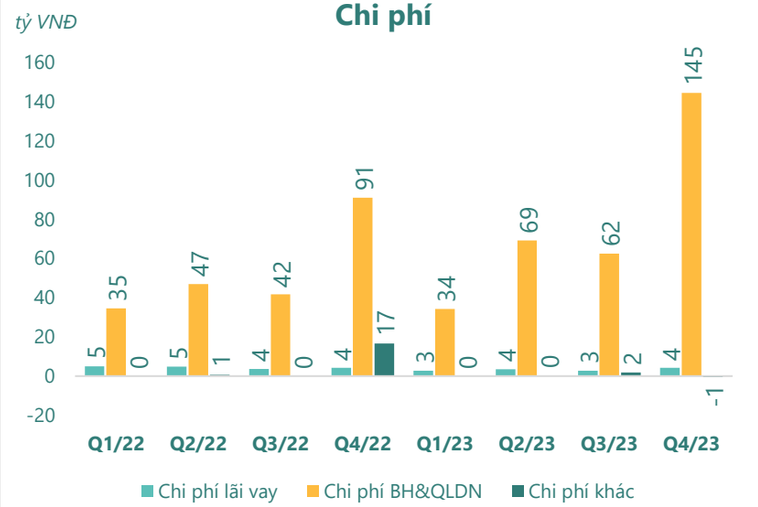
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



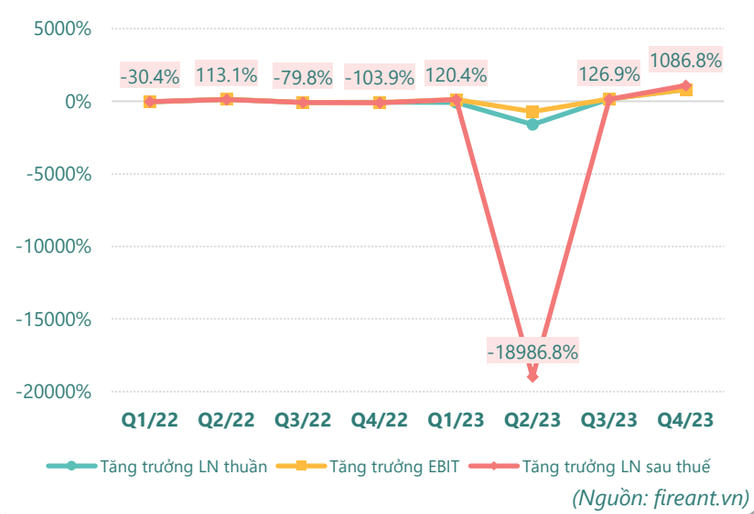
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



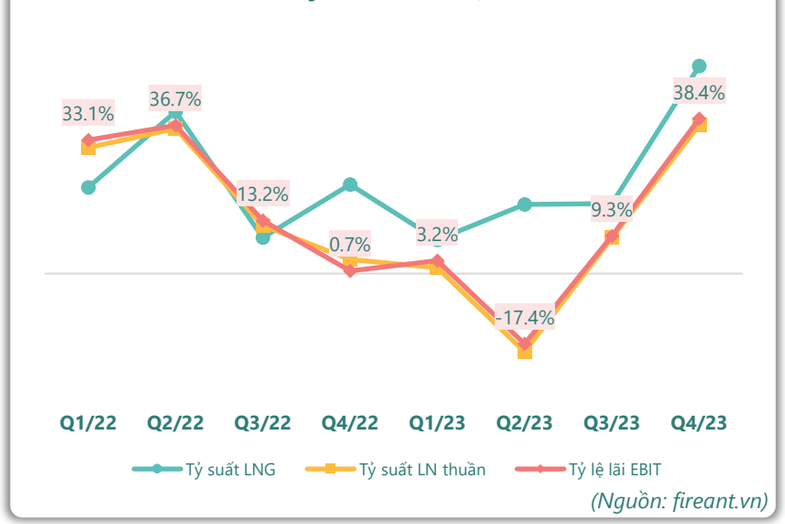
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



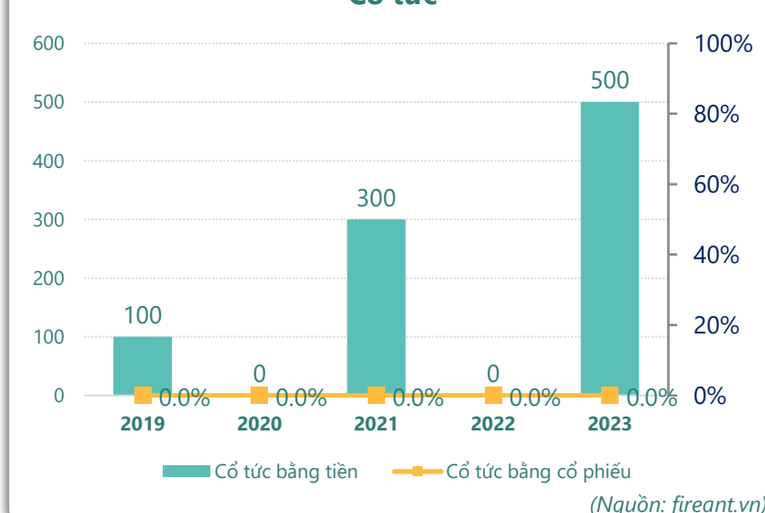
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

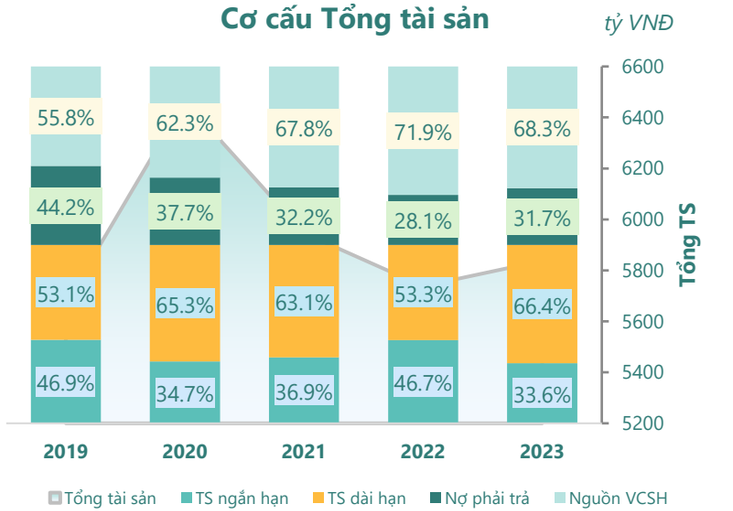
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

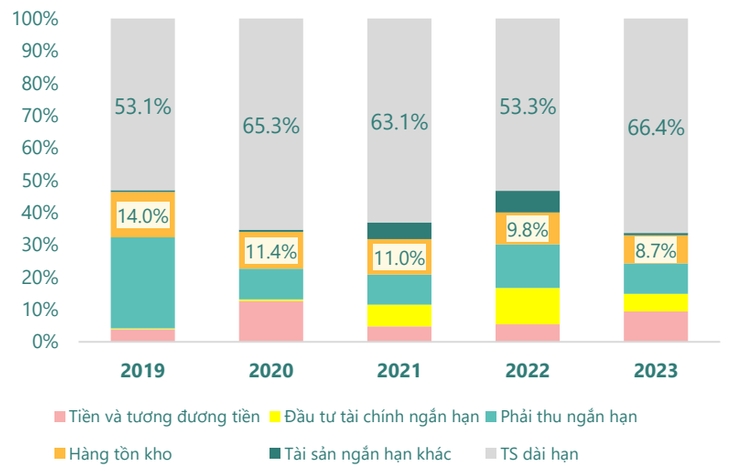
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



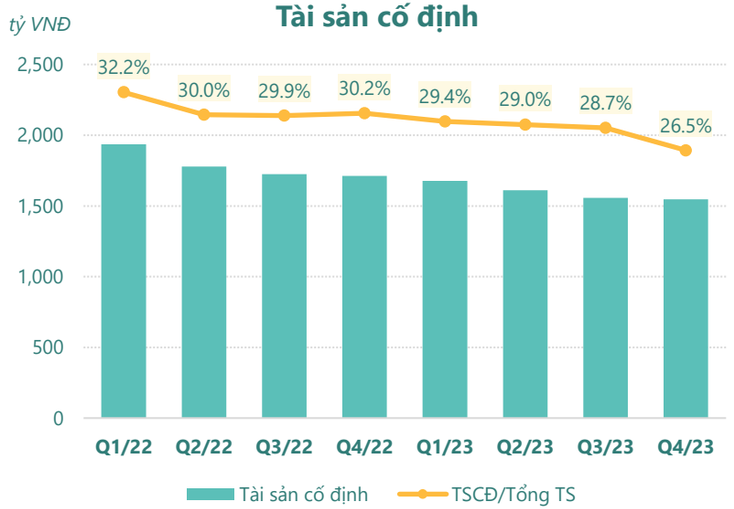
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



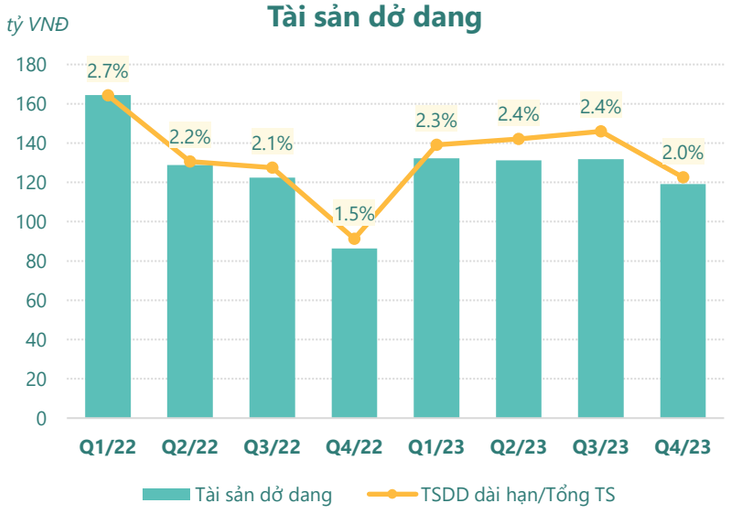
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



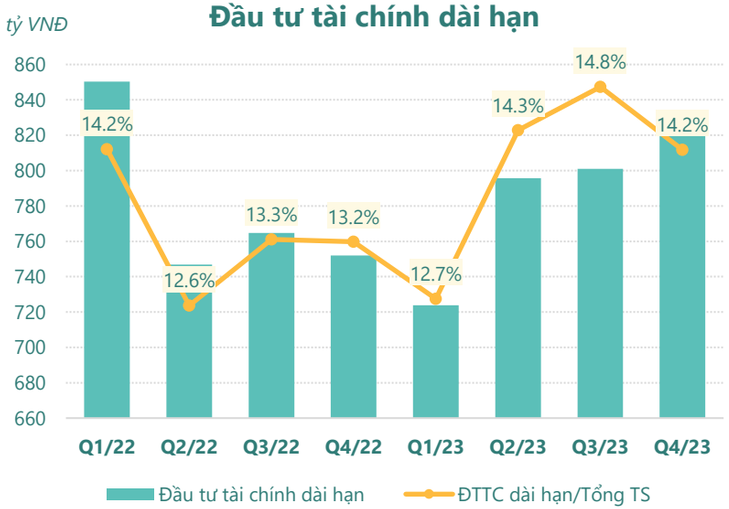
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



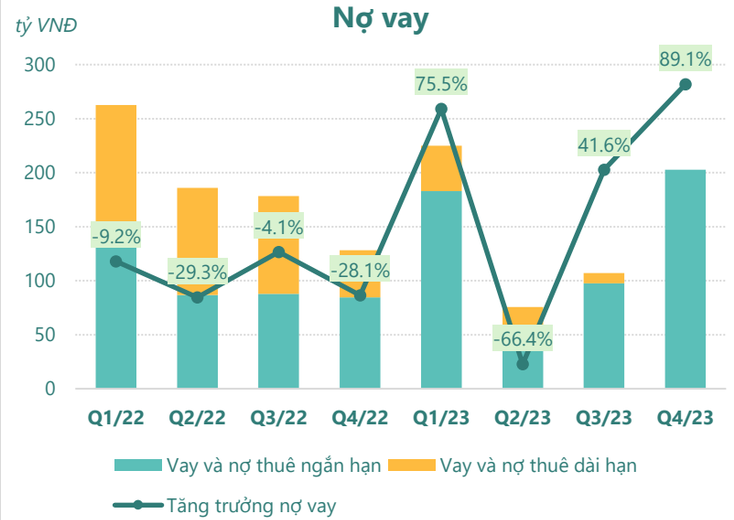
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

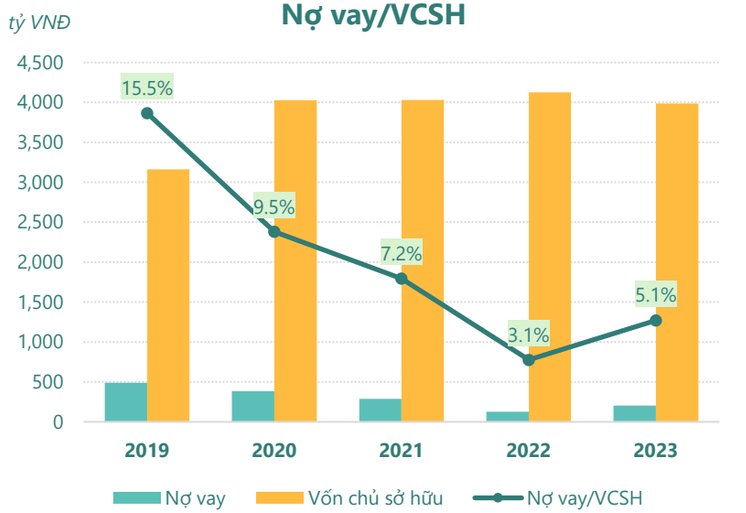
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

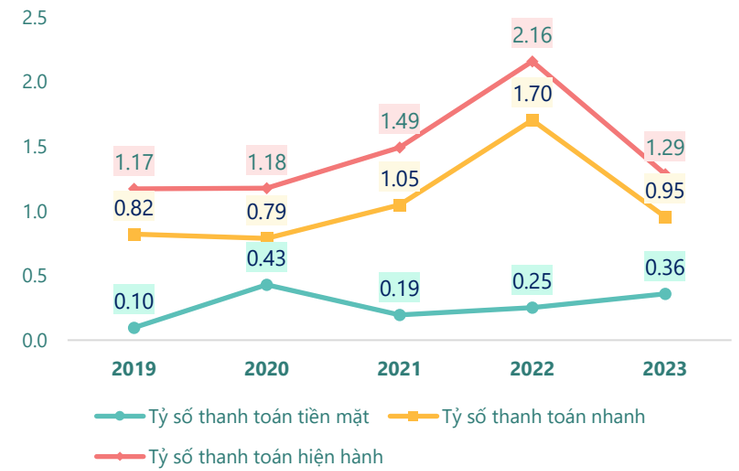
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



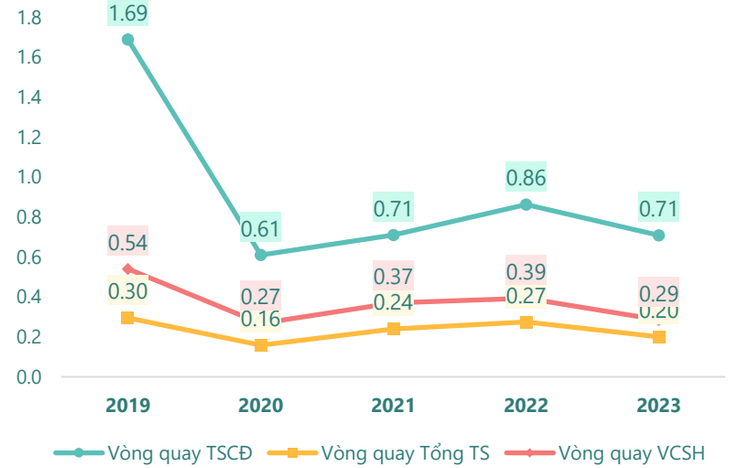
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



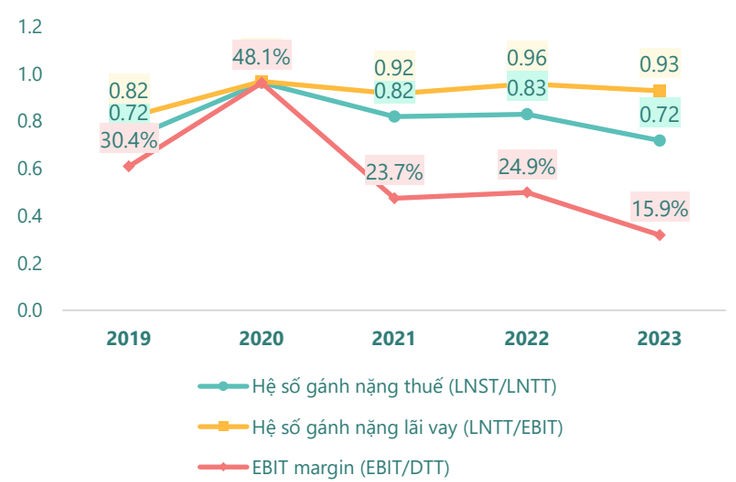
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



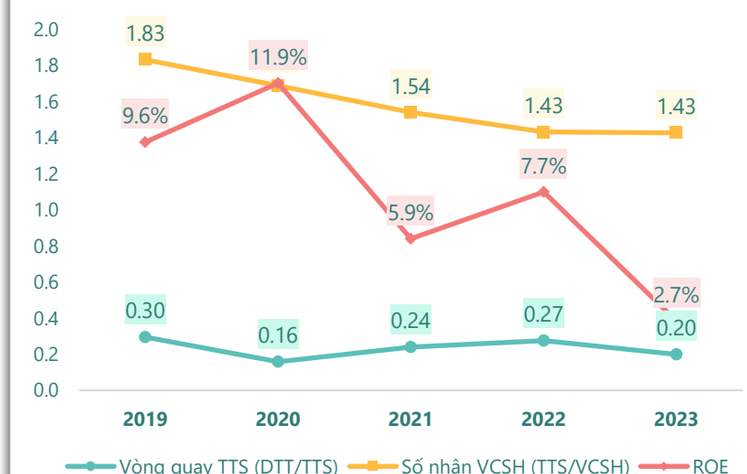
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



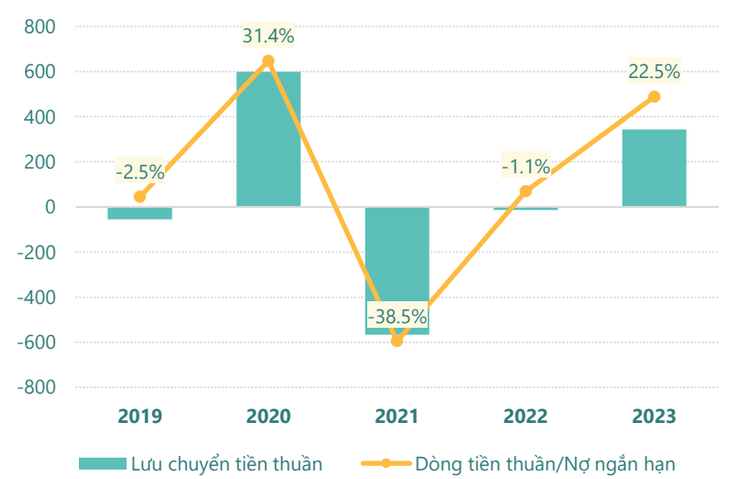
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**507**	**424**	**19.5%**	**1,156**	**1,605**	**-28.0%**
Giá vốn hàng bán	246	330	-25.5%	801	1,163	-31.1%
Lợi nhuận gộp	261	93.8	178%	356	443	-19.6%
Doanh thu HĐTC	9.42	16.1	-41.5%	47.8	82.9	-42.3%
Chi phí TC	3.39	30.4	-88.9%	21.4	47.4	-54.9%
Chi phí lãi vay	4.20	4.23	-0.7%	13.2	16.9	-22.0%
LN trong công ty LKLD	**64.4**	**26.4**	**144%**	**95.6**	**152**	**-37.2%**
Chi phí bán hàng	19.4	16.3	18.8%	43.1	47.2	-8.8%
Chi phí QLDN	**125**	**74.7**	**67.6%**	**267**	**166**	**61.2%**
LN thuần từ HĐKD	187	14.9	1154%	167	417	-59.9%
Lợi nhuận khác	**3.63**	**-16.2**	**122%**	**3.50**	**-34.5**	**110%**
LN trước thuế	190	-1.28	14982%	171	383	-55.4%
Lợi nhuận sau thuế	**159**	**-1.29**	**12401%**	**123**	**317**	**-61.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**149**	**-16.1**	**1027%**	**109**	**314**	**-65.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	59.3	181	-380	89.4	89.5	250
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	59.2	-110	88.6	167	64.5	50.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.65	-66.4	96.8	-149	-142	119
Tiền đầu kỳ	202	320	311	129	228	267
Lưu chuyển tiền thuần	**111**	**4.58**	**-195**	**107**	**11.8**	**419**
Ảnh hưởng tỷ giá	7.72	-13.4	12.1	-8.02	26.8	-139
Tiền cuối kỳ	320	311	129	228	267	547

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	**5,838**	**5,737**	**1.8%**
Tài sản ngắn hạn	1,964	2,678	-26.7%
Tiền và tương đương tiền	547	311	75.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	320	645	-50.3%
Phải thu ngắn hạn	551	774	-28.9%
Hàng tồn kho	506	564	-10.3%
Tài sản ngắn hạn khác	40.0	384	-89.6%
Tài sản dài hạn	**3,874**	**3,059**	**26.6%**
Phải thu dài hạn	1,059	81.5	1200%
Tài sản cố định	1,547	1,713	-9.7%
Bất động sản đầu tư	190	193	-1.4%
Tài sản dở dang	119	129	-7.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	826	805	2.6%
Tài sản dài hạn khác	**131**	**138**	**-4.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,853	1,611	15.0%
Nợ ngắn hạn	**1,528**	**1,240**	**23.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	203	84.5	140%
Phải trả người bán ngắn hạn	18.2	13.6	33.7%
Nợ dài hạn	325	371	-12.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	43.7	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,985**	**4,126**	**-3.4%**
Vốn chủ sở hữu	**3,985**	**4,126**	**-3.4%**
Vốn điều lệ	3,000	3,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)